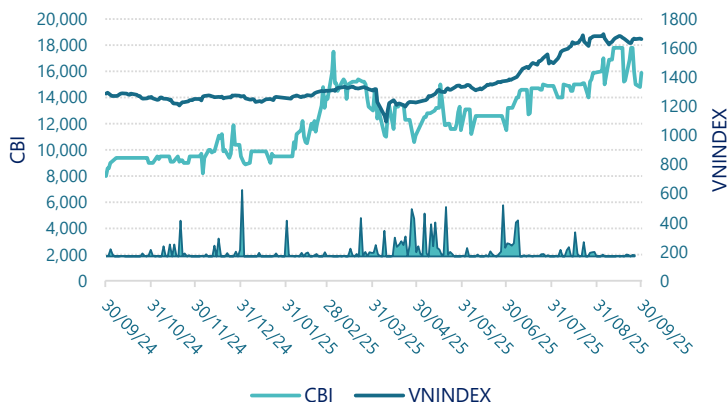




CTCP Gang thép Cao Bằng (UPCOM: CBI)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	43,006,366
KLGD BQ 20 phiên (CP)	600
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	684
P/E	-2.3
EPS	-6,953

DT thuần

Q3/25

545

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0 | 2.8%

YoY: ▲ 9.00 | 1.7%

LN sau thuế

Q3/25

-17.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 115 | 87.0%

YoY: ▲ 22.4 | 56.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-1.4%

+/- YoY: ▲ 3.9%

DT thuần

9T 2025

1,493

tỷ VNĐ

YoY: ▼228 | -13.3%

LN sau thuế

9T 2025

-200

tỷ VNĐ

YoY: ▼149 | -289%

ROE

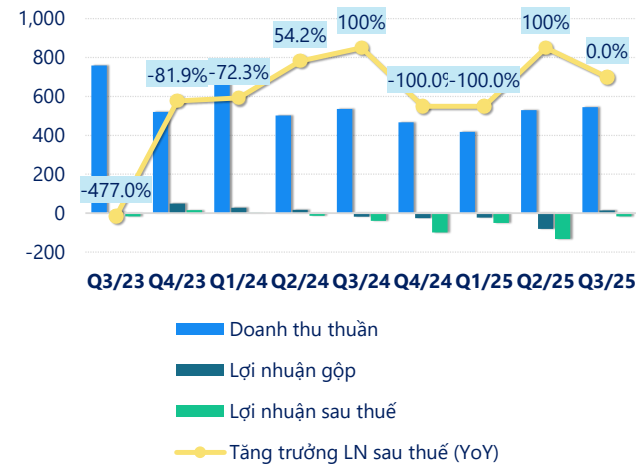
Q3/25

-129%

+/- YoY: ▼ 120%

tỷ VNĐ

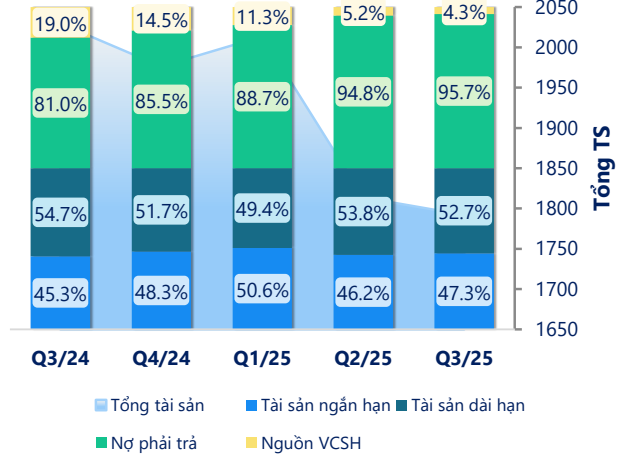
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

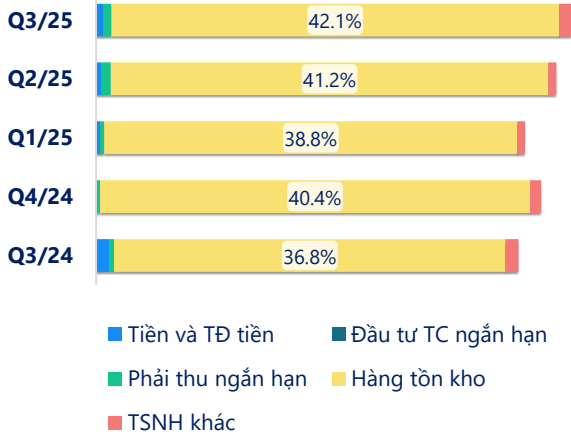
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



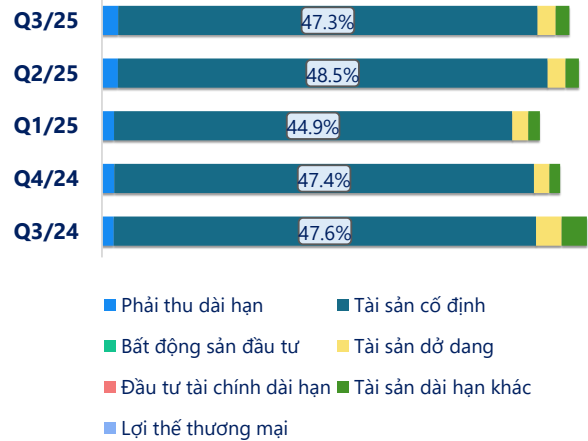
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

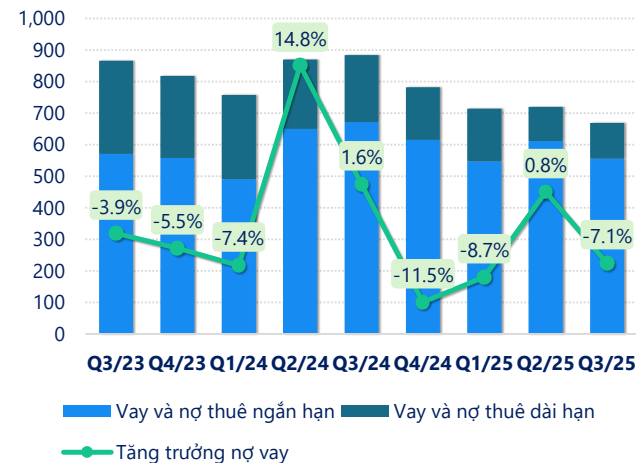
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

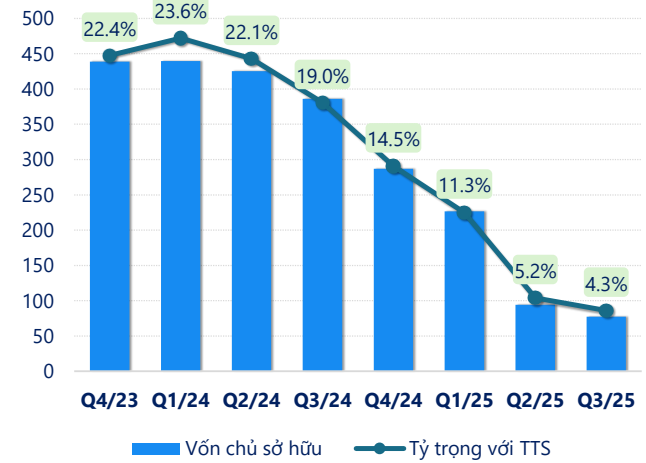
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

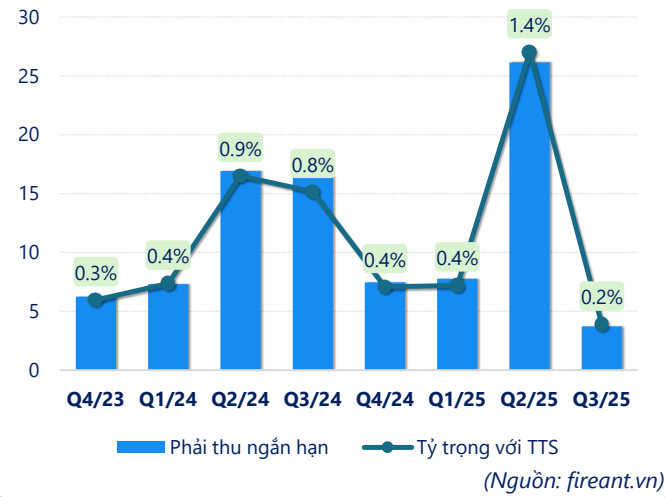
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

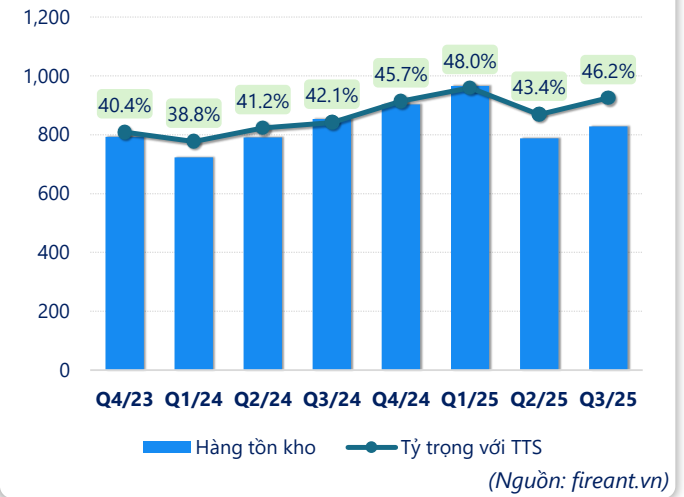


(Nguồn: fireant.vn)

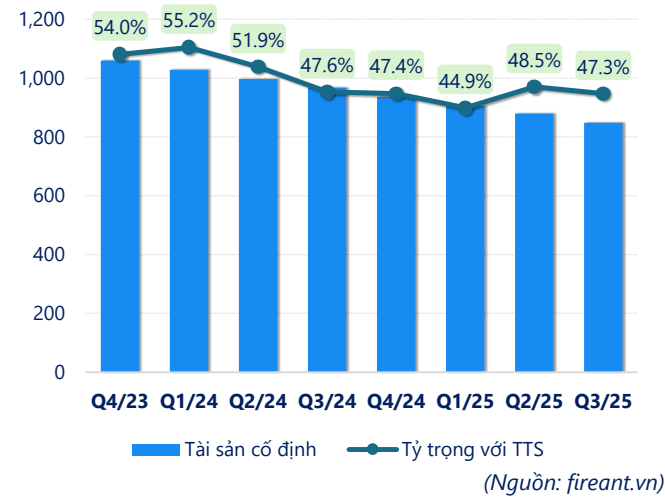
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


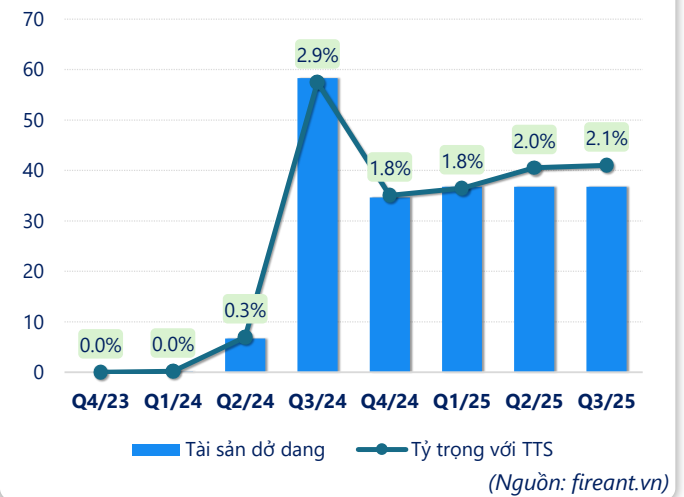
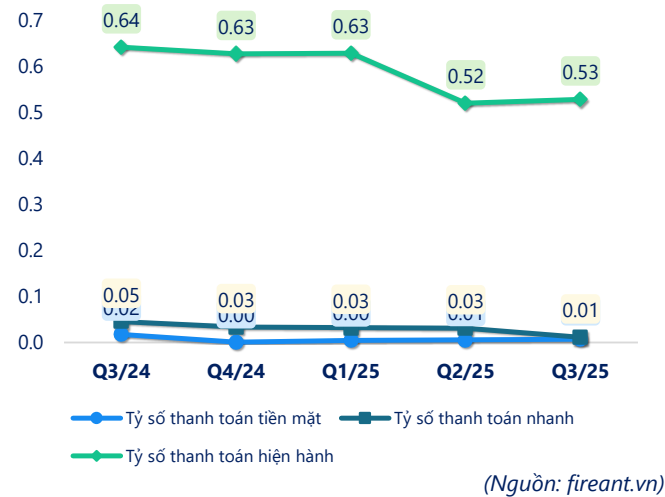
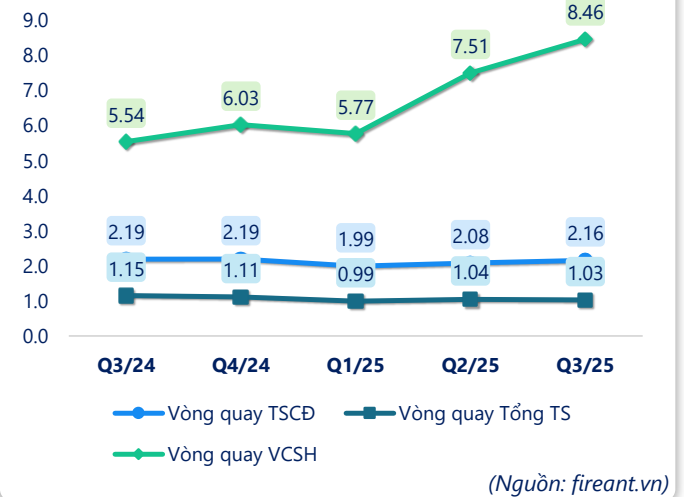
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,030	1,976	2,014	1,814	1,792
Tài sản ngắn hạn	919	955	1,018	838	847
Tiền và tương đương tiền	25.0	1.13	7.68	9.19	11.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	16.4	7.46	7.75	26.1	3.71
Hàng tồn kho	854	903	966	788	829
Tài sản ngắn hạn khác	23.5	42.8	36.7	15.0	2.78
Tài sản dài hạn	1,111	1,022	995	976	945
Phải thu dài hạn	27.3	27.3	27.2	32.4	32.7
Tài sản cố định	967	936	905	880	848
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	58.3	34.7	36.8	36.8	36.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	58.4	23.7	26.4	27.2	27.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,644	1,689	1,787	1,720	1,715
Nợ ngắn hạn	1,431	1,521	1,619	1,611	1,602
Vay và nợ thuê ngắn hạn	672	615	547	611	555
Phải trả người bán ngắn hạn	713	795	896	599	808
Nợ dài hạn	212	168	168	108	113
Vay và nợ thuê dài hạn	212	168	168	108	113
Nguồn vốn chủ sở hữu	386	287	227	94.3	77.1
Vốn chủ sở hữu	386	287	227	94.3	77.1
Vốn điều lệ	430	430	430	430	430
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)